

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Thị trường biến động trong mùa KQKD quý 3

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trần Thị Ngọc Hòa

hoa.ttn@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Thế giới

- Thị trường Mỹ đóng cửa ở mức cao kỷ lục mới, **với lạm phát tháng 9 thấp hơn dự báo giúp củng cố kỳ vọng Fed tiếp tục giảm lãi suất.**

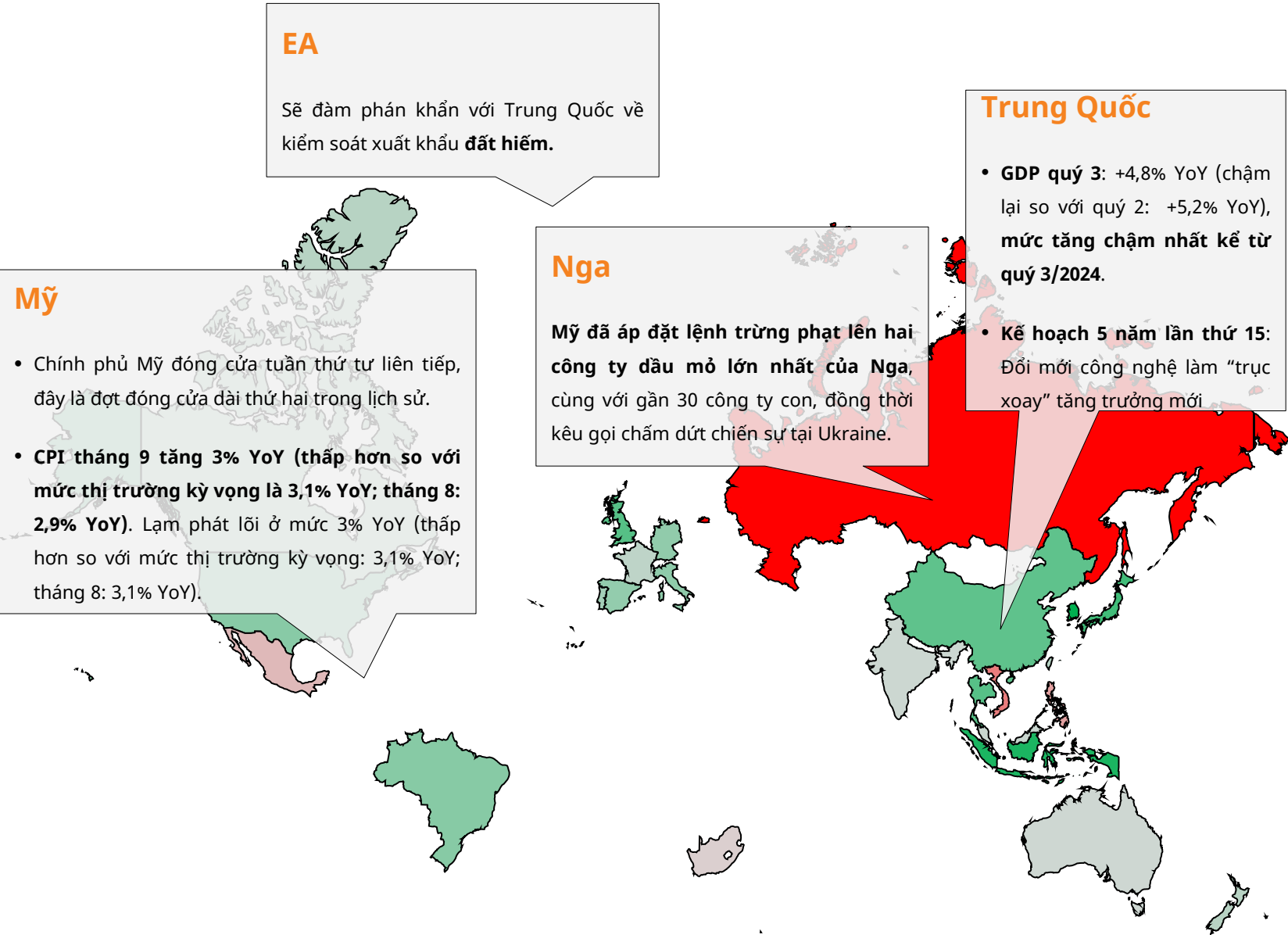
Việt Nam

- VN-Index giảm mạnh xuống mức 1683,2 điểm (-2,8% WoW), tương đương mức giảm 6,2% từ mức đỉnh 1794 điểm (ngày 14/10).**
 - Ngành giảm mạnh:** Chứng khoán, Ngân hàng
 - Chỉ số biến động thị trường tăng vọt**
 - Giá trị giao dịch bình quân đạt 35 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 11% so với tuần trước:** Giảm mạnh tại nhóm Bất động sản, Xây dựng cơ bản và Ngân hàng, trong khi Bán lẻ và Phần mềm & Dịch vụ thu hút dòng tiền.
- Triển vọng thị trường:**
 - Định giá:** Mức P/E thị trường đã giảm từ 17 lần xuống 16,2 lần, so với mức trung bình dài hạn là 16,7 lần.
 - Kết quả kinh doanh quý 3 khả quan:** Tính tới ngày 24/10, đã có 145/392 doanh nghiệp trên sàn HOSE công bố KQKD quý 3, chiếm 24,6% tổng vốn hóa thị trường. Cụ thể, 145 doanh nghiệp này ghi nhận tăng trưởng 51,4% YoY trong quý 3 và tăng 26,5% YoY trong 9 tháng đầu năm. Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận tiếp tục trên đà phục hồi, với dự báo tăng trưởng EPS của VN-Index năm 2025 đạt khoảng 23% YoY trong kịch bản cơ sở và 33% YoY trong kịch bản tốt.
 - Đáng chú ý, **mức cho vay ký quỹ tới cuối quý 3 đạt hơn 369 nghìn tỷ đồng, tương đương 112,3% vốn chủ sở hữu của các công ty chứng khoán** (là mức tương đối cao trong quá khứ, chỉ thấp hơn mức đỉnh 120–130% giai đoạn từ quý 2/2021 đến quý 1/2022). Tuy nhiên, điểm tích cực là các công ty chứng khoán cũng đang tích cực tăng vốn chủ sở hữu gần đây và trong thời gian sắp tới.
 - Kỳ vọng ngắn hạn:** Trong bối cảnh độ biến động thị trường gia tăng, việc quản trị rủi ro sẽ ưu tiên hơn trong giai đoạn này, cần cẩn trọng hơn với những cổ phiếu beta cao và mức định giá ở vùng tương đối kém hấp dẫn.
 - Triển vọng dài hạn tiềm năng:** Các động lực đến từ việc nâng hạng thị trường, kế hoạch tăng trưởng kinh tế tham vọng trong 2026–2030 nhờ vào động lực từ kinh tế tư nhân, đầu tư công, chú trọng cải thiện tiêu dùng.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1,683.2	-2.8%
Mỹ	SPX	6,791.7	1.9%
Canada	TSX	30,353.1	0.8%
Nhật	NKY	49,299.7	3.6%
Trung Quốc	SHCOMP	3,950.3	2.9%
Hồng Kông	Hang Seng	26,160.2	3.6%
Đài Loan	TWSE	27,532.3	0.8%
Hàn Quốc	KOSPI	3,941.6	5.1%
Ấn Độ	SENSEX	84,211.9	0.3%
Indonesia	JCI	8,271.7	4.5%
Thái Lan	SET	1,313.9	3.1%
Singapore	STI	4,422.2	2.2%
Malaysia	FBMKLCI	1,613.3	0.4%
Philippines	PSEi	5,988.0	-1.7%
UK	FTSE 100	9,645.6	3.1%
Pháp	CAC 40	8,225.6	0.6%
Đức	DAX	24,239.9	1.7%
Nga	MOEX	2,543.9	-6.5%
Úc	ASX 200	9,019.0	0.3%
New Zealand	NZX 50	13,391.6	0.77%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg và Investing, cập nhật tới ngày 24/10/2025.



① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

- Vàng giảm 3,3% trong tuần qua từ mức đỉnh lịch sử, sau 9 tuần tăng liên tiếp. Tính từ đầu năm, vàng vẫn tăng gần 57% YTD, trong bối cảnh căng thẳng thương mại và rủi ro địa chính trị.
- Dầu thô tăng gần 7% trong tuần qua, sau khi Mỹ áp đặt lệnh trừng phạt toàn diện đối với hai tập đoàn dầu khí lớn nhất của Nga —Rosneft và Lukoil (chiếm gần một nửa xuất khẩu dầu của Nga).

Tên	Giá	Thay đổi giá (%)			
		1 tuần	1 tháng	3 tháng	1 năm
Giá vàng (USD/ozt)	4,113	-3.3	13.8	12.0	22.0
Chỉ số giá hàng hóa Bloomberg	107	1.7	1.5	0.5	3.7
Năng lượng					
Dầu thô WTI (USD/bbl.)	62	6.9	-11.5	-0.3	-7.2
Dầu Brent (USD/bbl.)	66	7.6	-11.6	1.3	-8.0
Xăng (USD/gal.)	192	4.6	-9.0	-3.7	3.4
Khí tự nhiên (USD/MBBtu)	3	9.8	5.2	-8.1	23.3
Than (USD/T)	94	-1.4	0.5	-8.7	-13.1
Kim loại					
Thép (USD/MT)	2,985	0.0	-2.6	-5.6	1.3
HRC (USD/T)	813	-0.1	-1.1	-5.5	23.7
Quặng sắt (USD/T)	99	1.0	-1.5	1.3	5.0
Đồng (USD/Lbs)	512	3.1	4.6	-17.5	32.4
Nickel (USD/T)	15,222	1.5	-1.9	0.8	-5.9
Nhôm (USD/MT)	2,857	2.9	4.8	0.5	0.3
Nông nghiệp					
Bắp (USD/bu.)	423	0.2	-0.4	6.2	-5.2
Lúa mì (USD/bu.)	513	1.7	-3.0	-3.5	-7.4
Đậu nành (USD/bu.)	1,042	2.2	1.0	1.0	0.3
Đường (USD/lb.)	15	-3.4	-0.9	-4.0	-26.6
Cao su (USD/kg)	174	2.4	-1.9	-1.4	-10.4
Heo (USD/Lbs)	82	-0.6	-17.1	-8.5	38.2
Chỉ số vận tải biển Baltic					
Baltic Dry Index (điểm)	2,057	-0.6	-7.6	-0.8	59.3
Capesize	3,059	-2.0	-12.7	-6.7	106.0
Panamax	1,924	5.3	0.2	-0.8	51.2
Supramax	1,378	-3.2	-4.0	14.6	3.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/10/2025.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Sự kiện vĩ mô thế giới chính sẽ công bố trong tuần

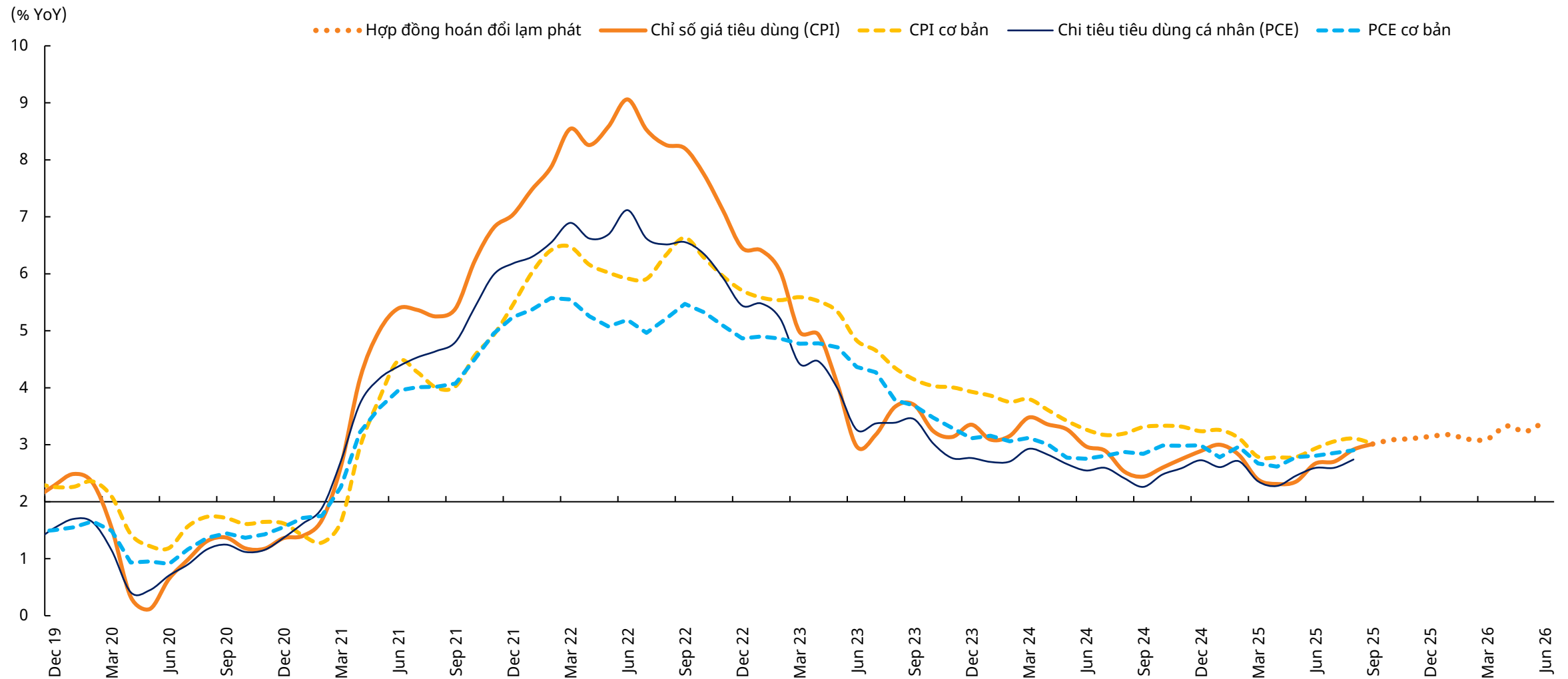
- Quyết định lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed):** Theo số liệu lạm phát tháng 9 vừa công bố cuối tuần qua, chỉ số CPI Mỹ tháng 9 nhích nhẹ lên mức 3% YoY (từ mức 2,9% YoY của tháng trước), thấp hơn mức thị trường kỳ vọng là 3,1% YoY. Trong khi đó, các dữ liệu tham khảo về thị trường lao động của Mỹ tiếp tục cho thấy thị trường hạ nhiệt. Điều này giúp củng cố **khả năng Fed giảm lãi suất trong cuộc họp tuần này, cũng như trong cuộc họp lãi suất vào tháng 12.**

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
27/10/2025				
7:30 PM	US	Đơn đặt hàng Lâu bền (MoM) (T9)	2.9%	0.3%
28/10/2025				
4:00 AM	KR	Chỉ số niềm tin người tiêu dùng (T10)	110.1	
6:00 AM	KR	Tốc độ tăng trưởng GDP (YoY)	0.6%	
8:00 PM	US	Chỉ số Giá nhà S&P/Case-Shiller (YoY) (T8)	1.8%	1.9%
9:00 PM	US	Niềm tin Người tiêu dùng của Conference Board (T10)	94.2	94.2
29/10/2025				
4:00 AM	KR	Niềm tin Kinh doanh (T10)	70.0	
12:00 PM	JP	Chỉ số niềm tin người tiêu dùng (T10)	35.3	35.6
7:30 PM	US	Cán cân Thương mại Hàng hóa (T9)	\$-85.5B	\$-90B
9:00 PM	US	Doanh số Bán nhà Chờ xử lý (YoY) (T9)	3.8%	
30/10/2025				
1:00 AM	US	Quyết định lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ	4.25%	4.00%
10:00 AM	JP	Quyết định lãi suất của Ngân hàng Trung ương Nhật bản (BoJ)	0.5%	0.5%
5:00 PM	EA	Tốc độ tăng trưởng GDP (QoQ)	0.1%	0.1%
5:00 PM	EA	Tốc độ tăng trưởng GDP (YoY)	1.5%	1.2%
5:00 PM	EA	Tâm lý kinh tế (T10)	95.5	95.7
5:00 PM	EA	Tỷ lệ thất nghiệp (T9)	6.3%	6.3%
7:30 PM	US	Tốc độ tăng trưởng GDP (QoQ)	3.8%	3.0%
7:30 PM	US	Số đơn Xin trợ cấp Thất nghiệp Lần đầu 25/10		
8:15 PM	EA	Quyết định lãi suất của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB)	2.15%	2.15%
31/10/2025				
6:50 AM	JP	Sản xuất công nghiệp (MoM) (T9)	-1.5%	
6:50 AM	JP	Doanh số bán lẻ (YoY) (T9)	-1.1%	
8:30 AM	CN	Chỉ số PMI Sản xuất của Tổng cục Thống kê Quốc gia (NBS) (T10)	49.8	
8:30 AM	CN	Chỉ số PMI Phi sản xuất của NBS (T10)	50.0	
5:00 PM	EA	CPI (Ước tính nhanh - YoY) (T10)	2.2%	
7:30 PM	US	Thu nhập Cá nhân (MoM) (T9)	0.4%	
7:30 PM	US	Chi tiêu Cá nhân (MoM) (T9)	0.6%	
7:30 PM	US	Chỉ số Giá Chi tiêu Tiêu dùng Cá nhân (PCE) (MoM) (T9)	0.3%	
7:30 PM	US	Chỉ số Giá Chi tiêu Tiêu dùng Cá nhân (PCE) (YoY) (T9)	2.7%	

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg.
Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Lạm phát Mỹ



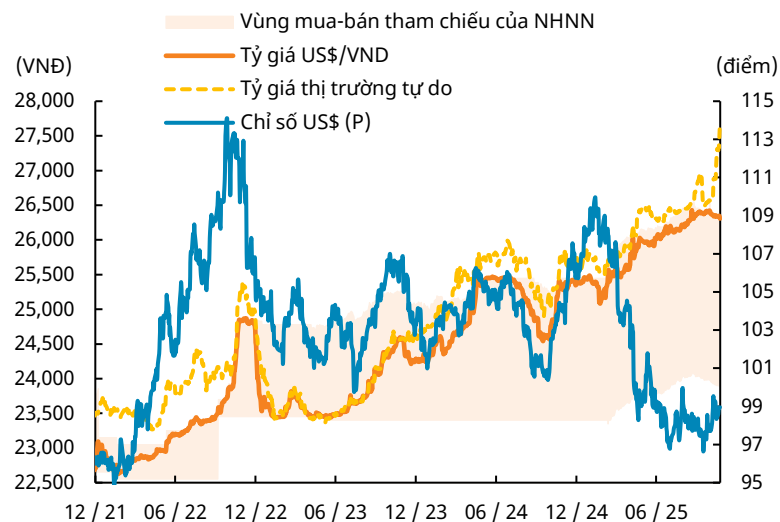
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp dữ liệu từ Bloomberg

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Tỷ giá thị trường tự do tăng mạnh, trong khi tỷ giá tại các NHTM duy trì ổn định

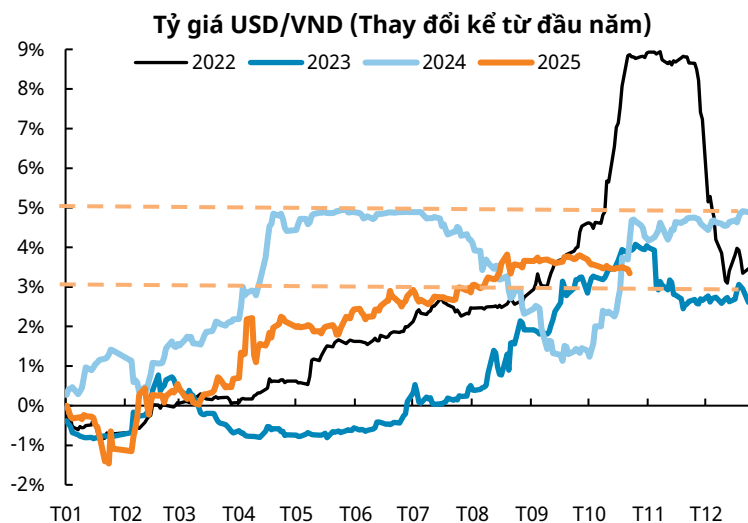
- Trong khi tỷ giá niêm yết bán tại Vietcombank giảm nhẹ 0,02%, **tỷ giá thị trường tự do tăng 1,52% so với tuần trước**, phản ánh nhu cầu USD gia tăng. Ngày 22/10 ghi nhận động thái từ Ngân hàng Nhà nước khi thông báo bán USD kỳ hạn 6 tháng có hủy ngang. Tính từ đầu năm, tỷ giá thị trường tự do tăng 7,6% YTD, tỷ giá niêm yết bán tại Vietcombank tăng 3,4% YTD.
- Lãi suất liên ngân hàng duy trì xu hướng tăng trong 2 tháng gần đây** (tăng lên 5,81% vào 23/10, từ mức 2,03% vào cuối tháng 8).
- Ngân hàng nhà nước tiếp tục điều tiết thị trường liên ngân hàng linh hoạt tại mức lãi suất giữ nguyên không đổi ở mức 4%:**
 - Mua kỳ hạn 7, 14, 28, 91 ngày với tổng giá trị **119 nghìn tỷ đồng** (thay đổi ròng trong tuần là tăng gần **73 nghìn tỷ đồng** trong hệ thống liên ngân hàng).
- Chúng tôi kỳ vọng áp lực tỷ giá USD/VND sẽ có phần dịu bớt trong các tháng còn lại**, với các yếu tố hỗ trợ bao gồm: 1) Lộ trình giảm lãi suất của Fed kỳ vọng tiếp tục trong thời gian tới. Việc Fed giảm lãi suất sẽ thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa Việt Nam và Mỹ, góp phần ổn định tỷ giá, đồng thời tạo dư địa cho Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; 2) dòng ngoại tệ duy trì nhờ vào lượng kiều hối cuối năm tăng, thặng dư thương mại duy trì, và dòng vốn FDI ổn định.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



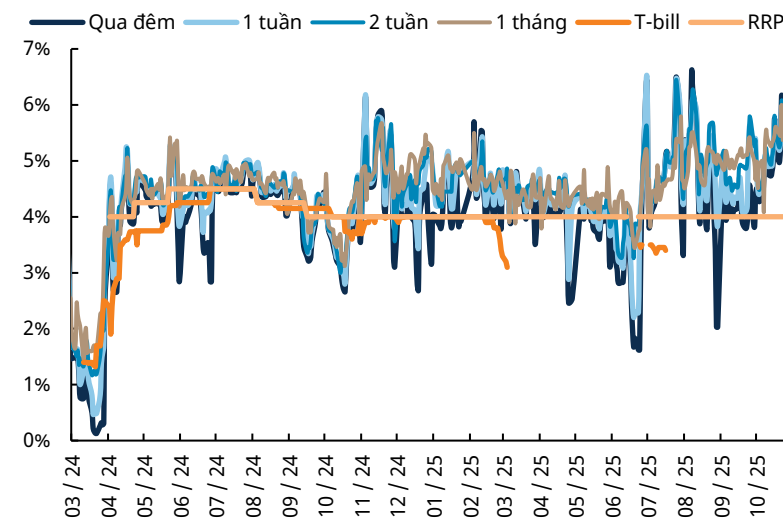
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 24/10/2025.

Biến động của tỷ giá so với thời điểm đầu năm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/10/2025.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 23/10/2025.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

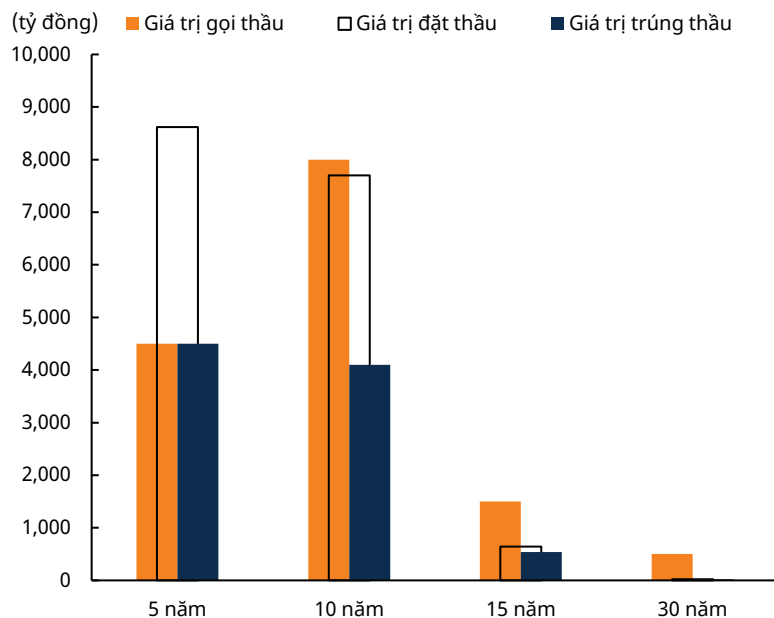
Lợi suất trái phiếu tiếp tục xu hướng tăng

• Phát hành trái phiếu chính phủ:

- Trong ngày 22/10, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã huy động thành công 9.160 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 63,2% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 1,2x. Tính từ đầu năm đến nay, KBNN đã thành công huy động 276,7 nghìn tỷ đồng thông qua kênh đấu thầu trái phiếu chính phủ; hoàn thành 55,4% kế hoạch đề ra cho năm 2025.
- Kết quả đấu thầu như sau: 5 năm (4.500 tỷ), 10 năm (4.100 tỷ), 15 năm (540 tỷ), 30 năm (20 tỷ).
- Lợi suất trúng thầu kỳ hạn 10, 15, 30 năm tăng so với tuần trước, trong khi lợi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm không đổi: 5 năm (3,14%), 10 năm (3,77%; +4 bps), 15 năm (3,82; +3 bps), 30 năm (3,89%; +9 bps).

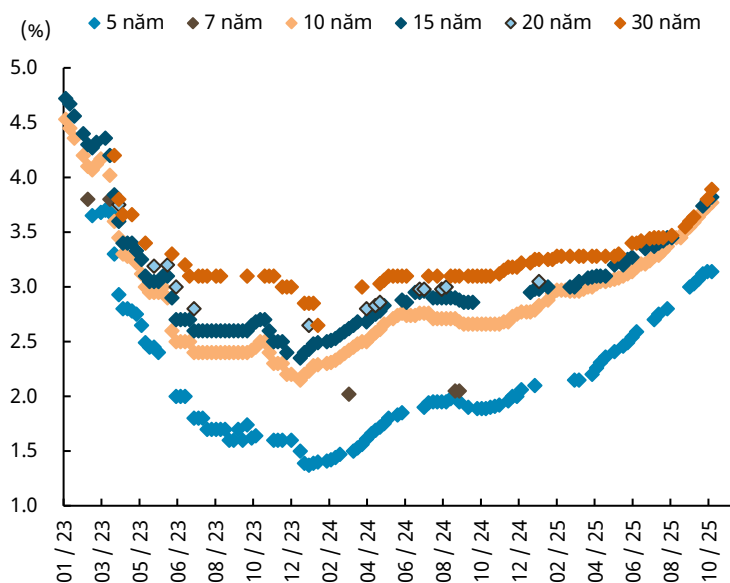
• Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng đều trên hầu hết các kỳ hạn.

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



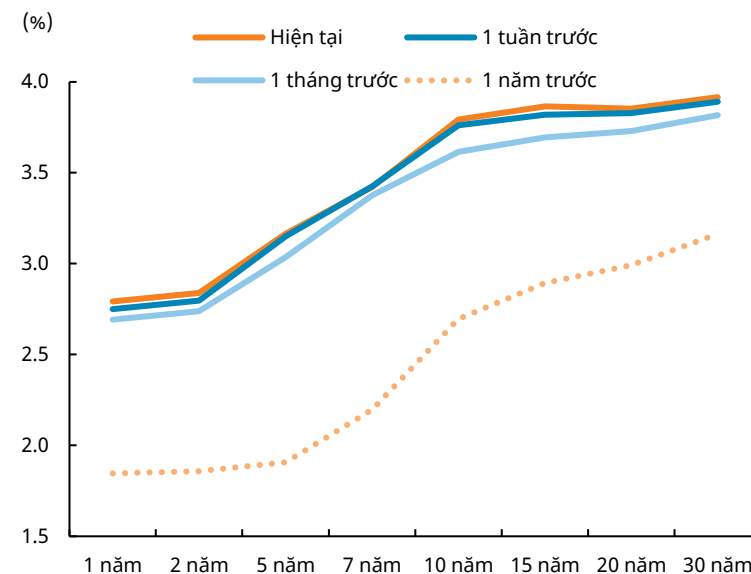
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 22/10/2025.

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 22/10/2025.

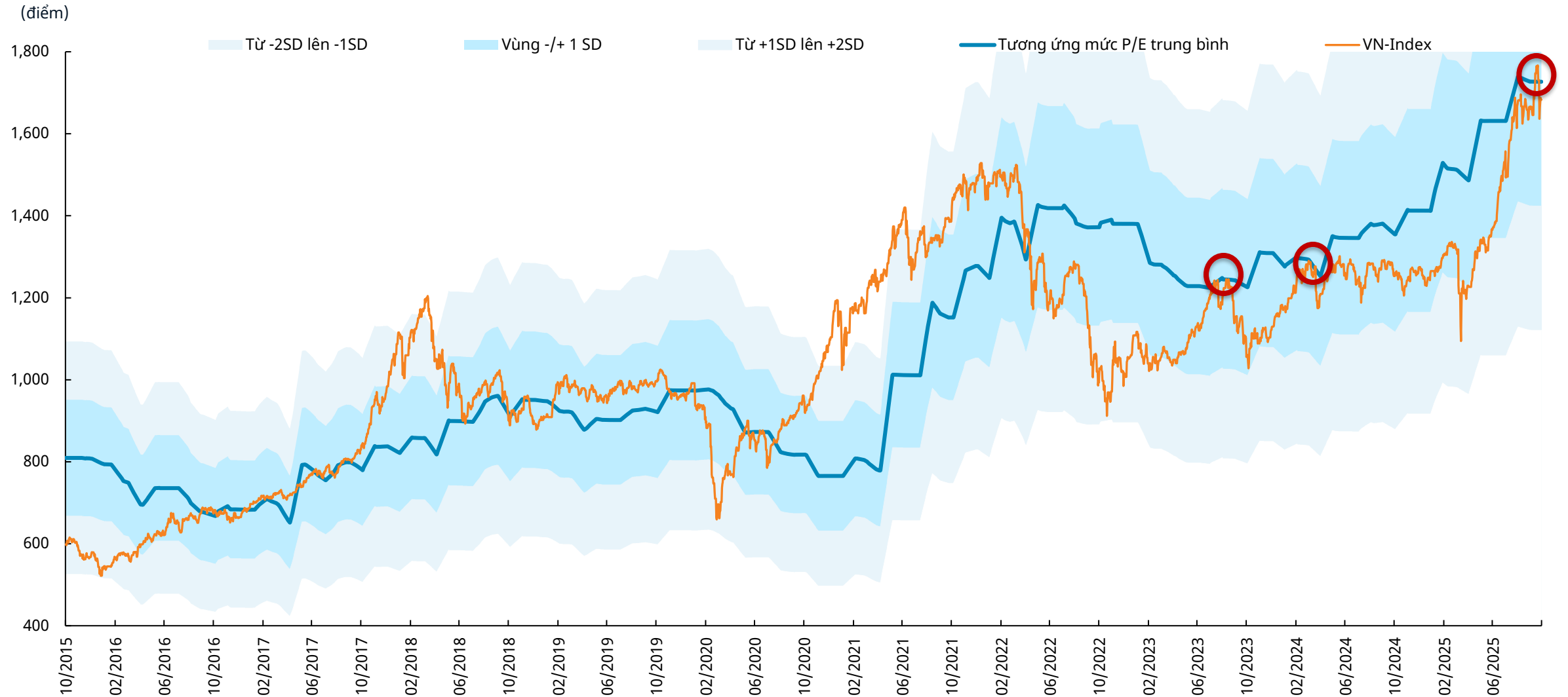
Đường cong lợi suất trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 24/10/2025.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/10/2025.

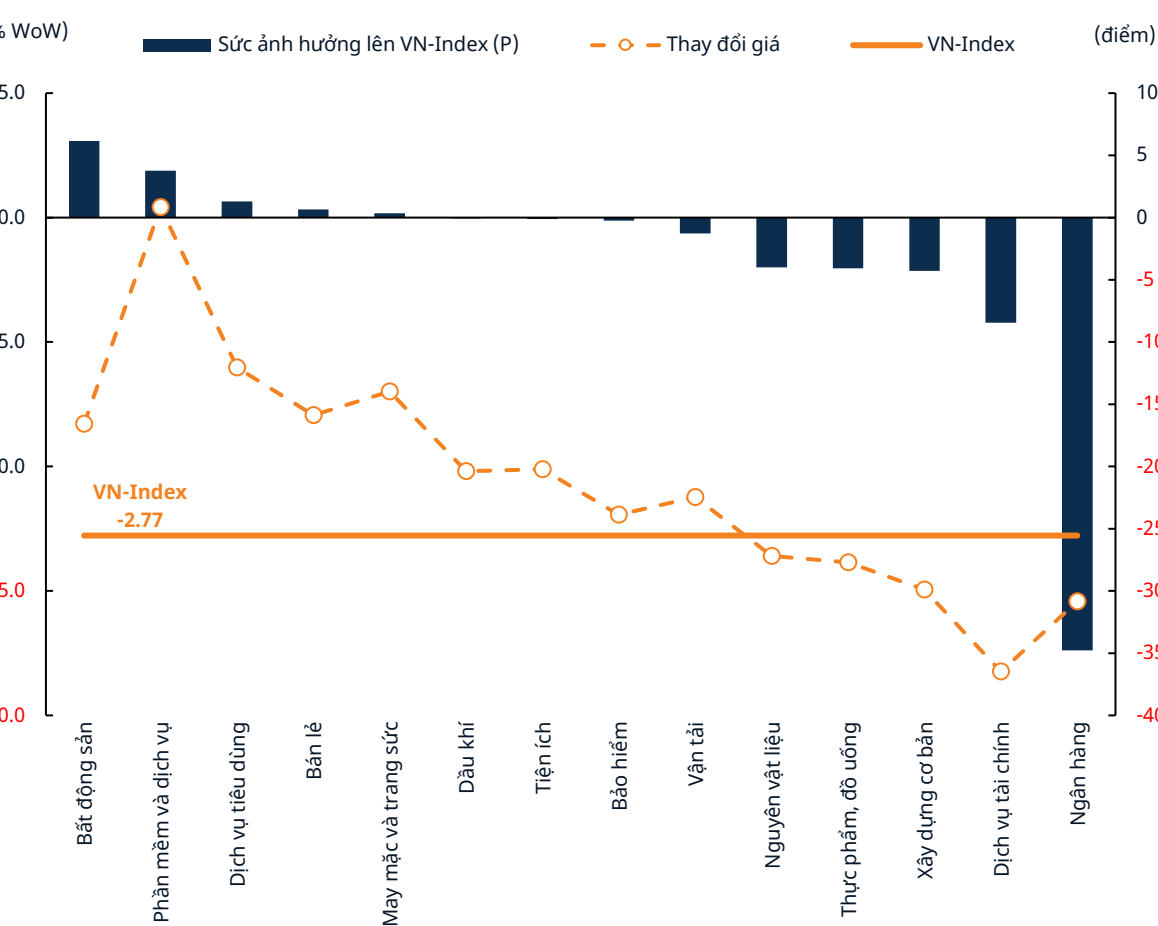
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Thị trường giảm mạnh, với độ biến động tăng vọt

- **VN-Index giảm mạnh xuống mức 1683,2 điểm (-2,8% WoW), tương đương mức giảm 6,2% từ mức đỉnh 1794 điểm (ngày 14/10).**
 - **Ngành giảm mạnh:** Chứng khoán, Ngân hàng
 - **Chỉ số biến động thị trường tăng vọt**
 - **Giá trị giao dịch bình quân đạt 35 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 11% so với tuần trước: Giảm mạnh tại nhóm Bất động sản (-26% WoW), Xây dựng cơ bản (-25% WoW) và Ngân hàng (-13% WoW), trong khi Bán lẻ (+15% WoW) và Phần mềm & Dịch vụ (+33% WoW) thu hút dòng tiền.**
 - **Khối ngoại bán ròng 4,4 nghìn tỷ đồng, trong khi nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước mua ròng lần lượt 0,9 nghìn tỷ đồng và 3,4 nghìn tỷ đồng.**
 - **Các quỹ ETF bán ròng 243 tỷ đồng trong tuần qua, với mức bán ròng kể từ đầu năm đạt 15,3 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 24/10.**
- **Triển vọng thị trường:**
 - **Định giá:** Mức P/E thị trường đã giảm từ 17 lần xuống 16,2 lần, so với mức trung bình dài hạn là 16,7 lần.
 - **Kết quả kinh doanh quý 3 khả quan:** Tính tới ngày 24/10, đã có 145/392 doanh nghiệp trên sàn HOSE công bố KQKD quý 3, chiếm 24,6% tổng vốn hóa thị trường. Cụ thể, 145 doanh nghiệp này ghi nhận tăng trưởng 51,4% YoY trong quý 3 và tăng 26,5% YoY trong 9 tháng đầu năm. Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận tiếp tục trên đà phục hồi, với dự báo tăng trưởng EPS của VN-Index năm 2025 đạt khoảng 23% YoY trong kịch bản cơ sở và 33% YoY trong kịch bản tốt.
 - **Đáng chú ý, mức cho vay ký quỹ tới cuối quý 3 đạt hơn 369 nghìn tỷ đồng, tương đương 112,3% vốn chủ sở hữu của các công ty chứng khoán** (là mức tương đối cao trong quá khứ, chỉ thấp hơn mức đỉnh 120–130% giai đoạn từ quý 2/2021 đến quý 1/2022). Tuy nhiên, điểm tích cực là các công ty chứng khoán cũng đang tích cực tăng vốn chủ sở hữu gần đây và trong thời gian sắp tới.
 - **Kỳ vọng ngắn hạn:** Trong bối cảnh độ biến động thị trường gia tăng, việc quản trị rủi ro sẽ ưu tiên hơn trong giai đoạn này, cần cẩn trọng hơn với những cổ phiếu beta cao và mức định giá ở vùng tương đối kém hấp dẫn.
 - **Triển vọng dài hạn tiềm năng:** Các động lực đến từ việc nâng hạng thị trường, kế hoạch tăng trưởng kinh tế tham vọng trong 2026–2030 nhờ vào động lực từ kinh tế tư nhân, đầu tư công, chú trọng cải thiện tiêu dùng.

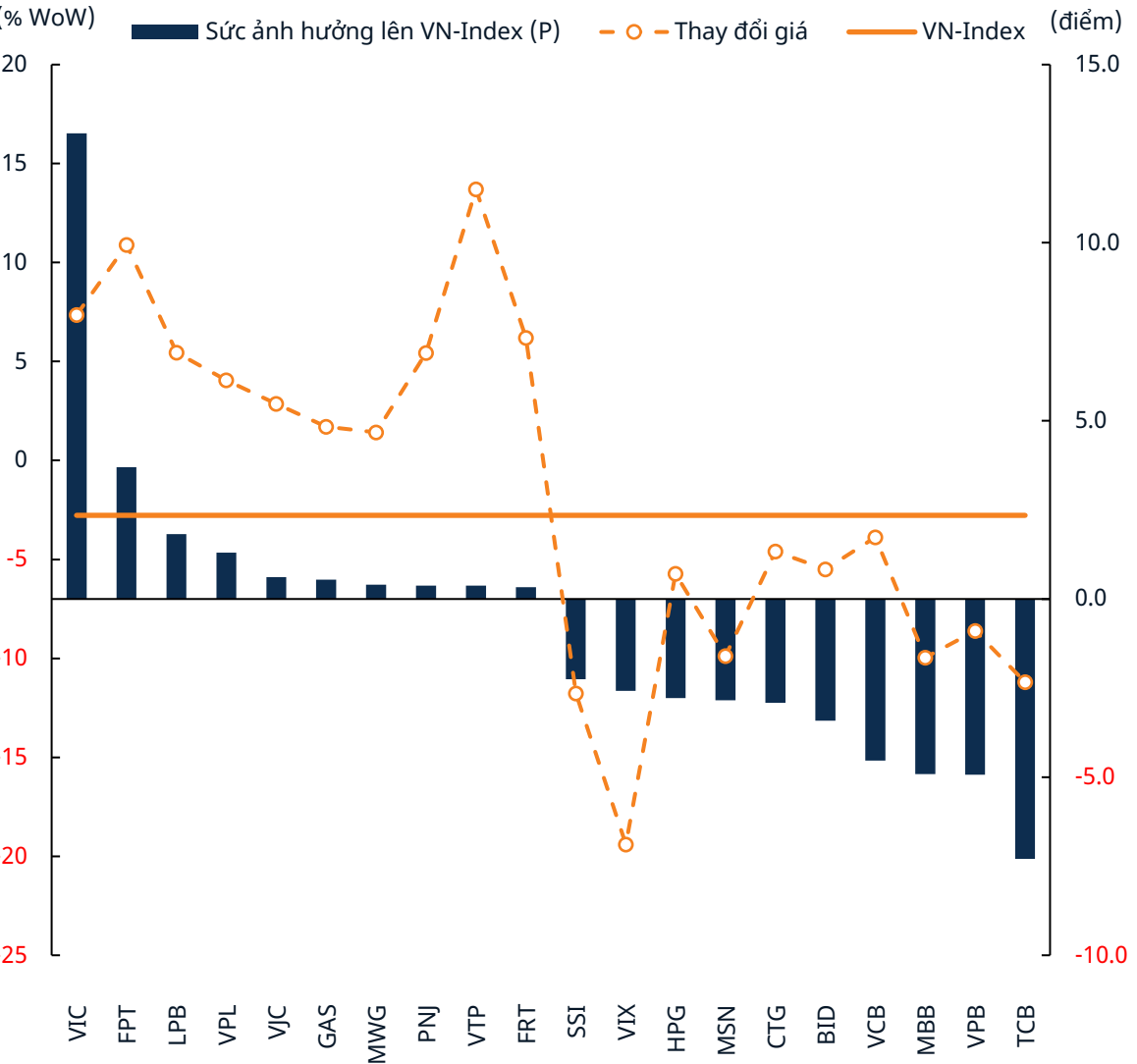
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch theo ngành trong tuần: Ngân hàng, Dịch vụ tài chính giảm điểm mạnh nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/10/2025.

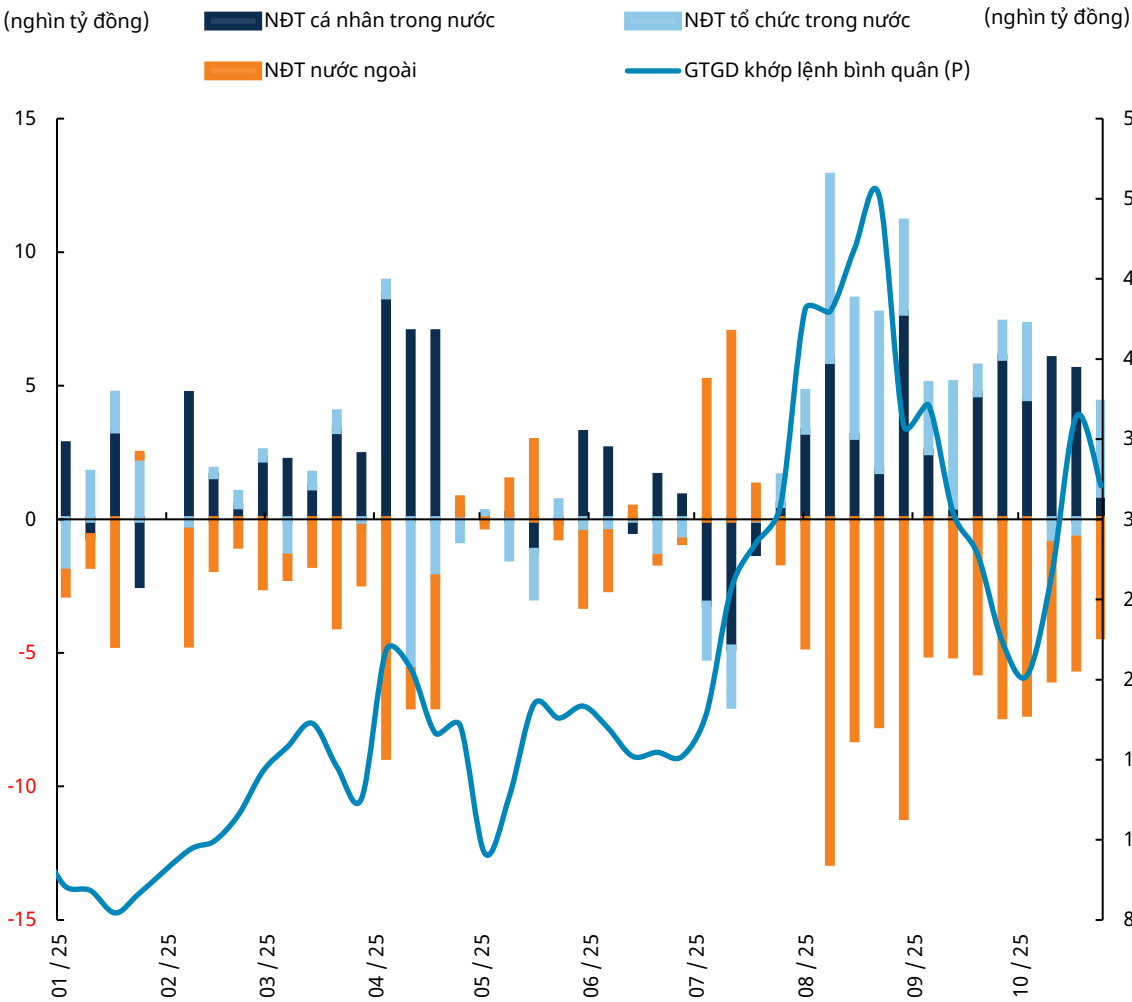
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến VN-Index trong tuần: VIC và FPT đóng góp tăng điểm chính



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 24/10/2025.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư tại sàn HOSE: Khối ngoại tiếp tục bán ròng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 24/10/2025.

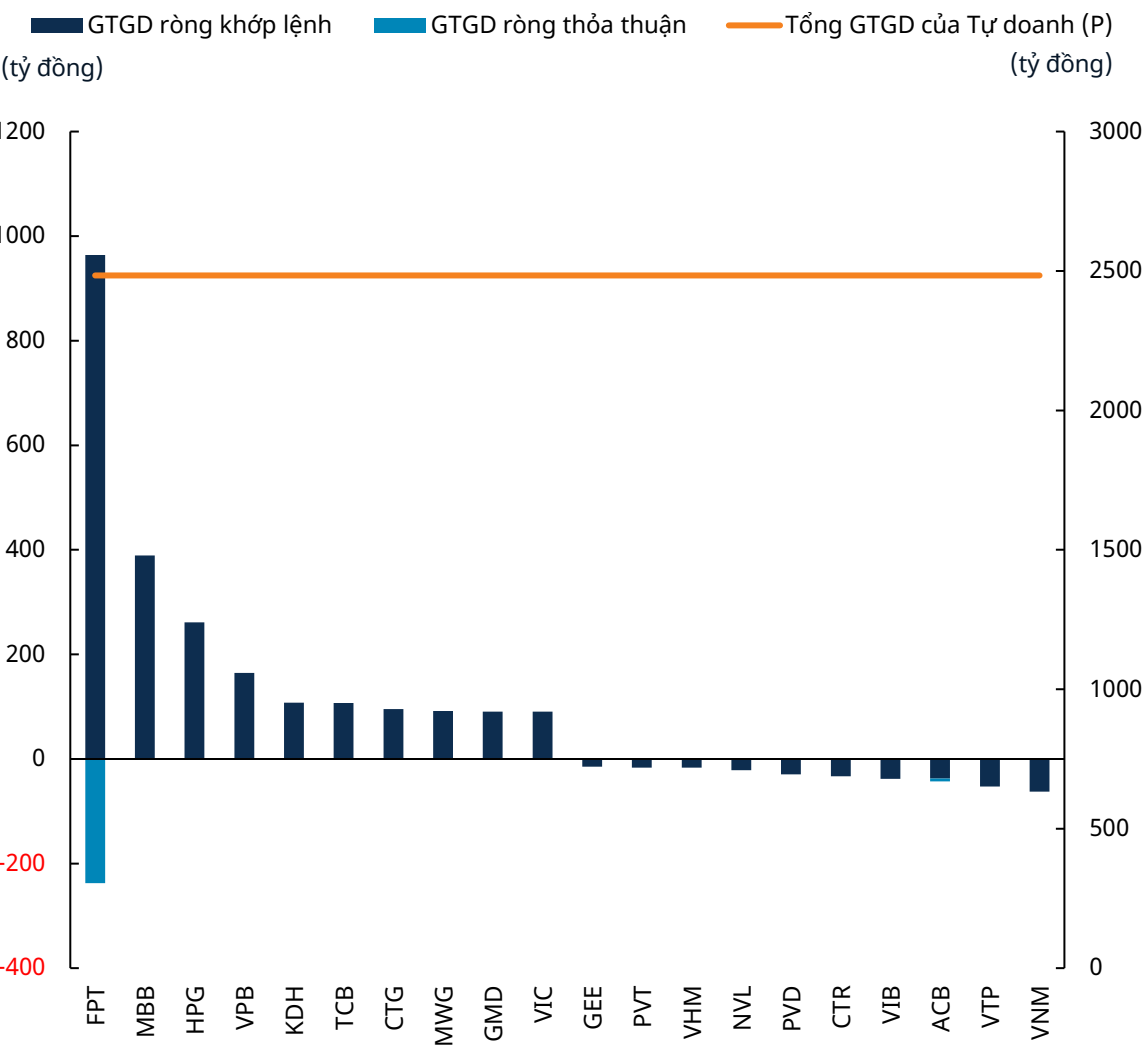
Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành ở 12 tuần gần nhất

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	26/9/2025	3/10/2025	10/10/2025	17/10/2025	
VN-Index				46%	-11%
Bán lẻ				85%	15%
Bất động sản				77%	-26%
Phần mềm và dịch vụ				77%	33%
Vận tải				69%	6%
May mặc và trang sức				69%	9%
Thực phẩm, đồ uống				62%	-4%
Xây dựng cơ bản				54%	-25%
Ngân hàng				46%	-13%
Dịch vụ tài chính				46%	6%
Nguyên vật liệu				31%	-14%
Tiện ích				31%	3%
Bảo hiểm				23%	-22%
Dầu khí				15%	-21%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33,33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

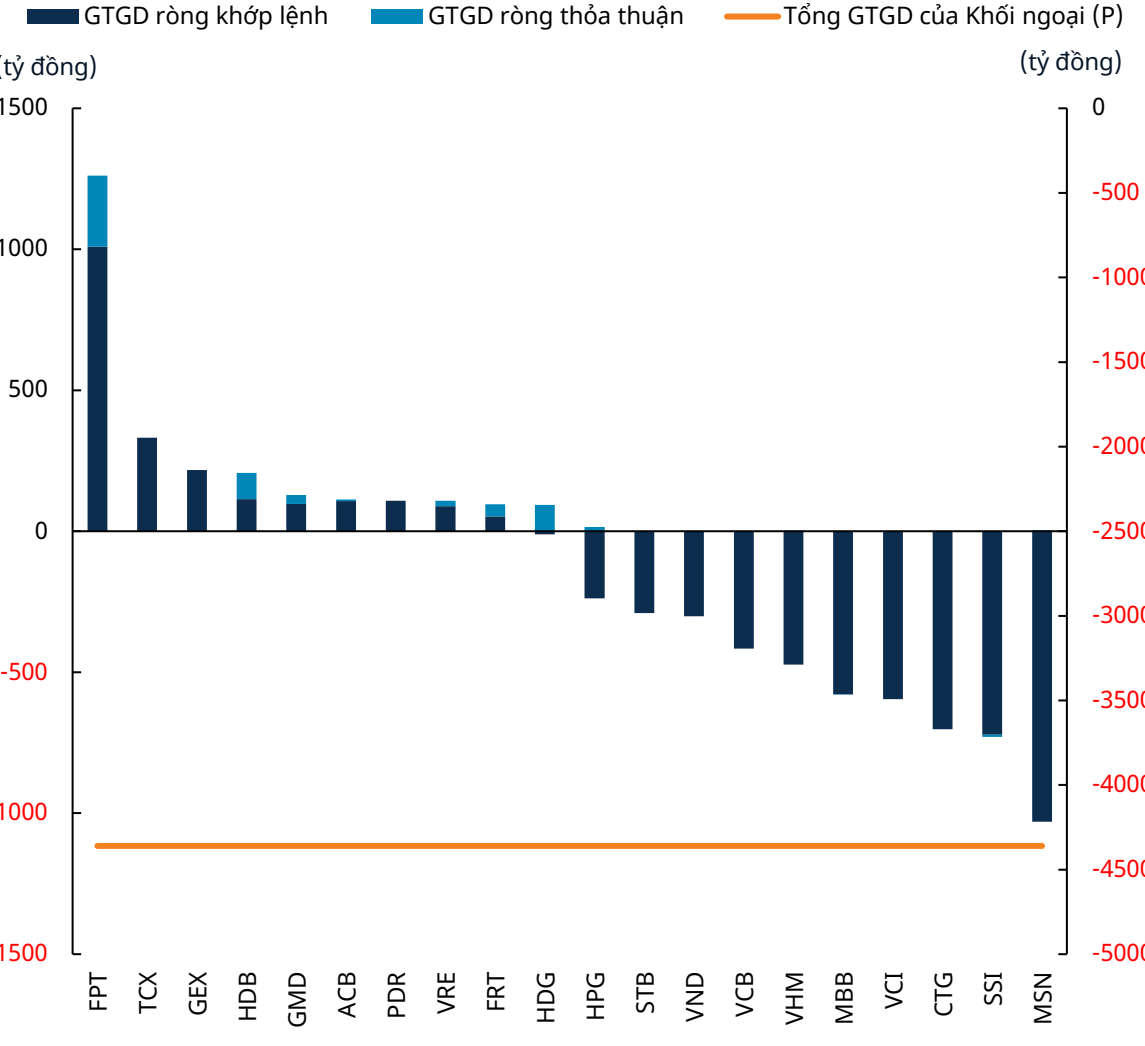
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 24/10/2025.

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 24/10/2025.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		7,421,753	1,683.18	1,777.35	1,158.17	-0.2	-2.8	1.6	33.9	16.24	2.07	13.30	15.30	26.25
VN30 Index		5,217,911	1,944.60	2,043.09	1,208.42	-0.1	-1.6	4.9	46.3	16.57	2.40	15.32	18.35	16.11
VN100 Index		6,448,951	1,848.01	1,966.36	1,188.86	-0.3	-3.2	1.8	41.0	15.04	2.09	14.31	17.28	21.79
VNDiamond Index		1,855,830	2,652.99	2,795.05	1,894.21	-0.1	-1.4	-1.0	18.3	13.88	2.09	15.24	24.51	3.05
Ngân hàng	VCB	497,163	59,500	70,100	55,600	-0.5	-3.9	-5.1	-3.0	14.34	2.33	17.54	21.58	8.42
	CTG	267,426	49,800	56,500	32,800	0.2	-4.6	-1.4	42.9	8.88	1.64	20.23	25.79	4.21
	BID	259,088	36,900	45,100	33,550	0.0	-5.5	-10.4	-7.0	10.05	1.65	17.81	17.25	12.75
	TCB	255,813	36,100	41,650	22,400	-3.1	-11.2	-7.0	52.6	11.60	1.55	14.32	22.53	0.01
	VPB	231,671	29,200	38,250	16,450	-2.7	-8.6	-7.6	46.0	11.22	1.50	14.18	23.83	6.17
	MBB	196,542	24,400	29,500	15,481	-3.2	-10.0	-9.0	50.0	8.01	1.60	22.01	21.64	1.60
	LPB	155,936	52,200	53,200	26,498	1.8	5.5	10.0	91.7	15.05	3.59	24.63	0.98	4.02
	ACB	128,416	25,000	29,400	19,565	0.2	-2.9	-3.8	15.0	7.39	1.40	20.42	29.98	0.02
	HDB	125,710	32,700	33,800	19,500	-0.9	0.6	6.5	45.9	7.99	1.84	25.33	16.69	0.81
	STB	102,744	54,500	60,400	32,200	-2.0	-7.6	-4.4	63.2	8.87	1.72	21.28	17.02	12.98
	SHB	74,877	16,300	19,100	8,092	-2.4	-9.9	-6.1	93.8	6.33	1.18	18.38	3.75	26.25
	VIB	62,974	18,500	24,800	15,175	0.0	-6.1	-9.8	14.0	8.34	1.44	18.38	4.99	0.00
	SSB	51,210	18,000	23,800	16,350	-0.8	-2.4	-7.7	8.1	7.68	1.30	18.41	0.23	4.77
	TPB	47,291	17,900	22,800	12,400	0.6	-7.0	-8.9	5.0	7.39	1.24	17.34	24.31	5.69
	EIB	42,097	22,600	30,900	16,900	-2.2	-12.4	-13.1	5.6	12.67	1.61	13.40	4.43	25.54
	OCB	34,353	12,900	15,400	9,093	0.0	0.0	0.8	21.1	11.42	1.04	9.51	19.53	2.47
	NAB	24,363	14,200	17,000	12,080	-0.4	-4.1	-5.0	13.8	6.28	1.15	20.16	1.38	28.62
Dịch vụ tài chính	SSI	74,733	36,000	44,150	22,400	-4.0	-11.8	-10.6	34.3	19.19	2.49	11.42	35.76	64.24
	VIX	47,398	30,950	40,150	8,762	-6.5	-19.4	-16.6	188.9	11.19	2.35	23.47	12.06	87.94
	MSB	38,376	12,300	15,625	8,750	-0.8	-5.7	-8.6	19.5	7.53	0.98	13.93	29.21	0.79
	VND	30,750	20,200	27,350	11,400	-1.5	-14.2	-12.6	41.3	15.92	1.50	9.65	12.53	87.47
	VCI	27,025	37,400	49,450	31,500	1.6	-10.8	-14.3	8.4	23.63	2.13	10.49	21.89	78.11
	HCM	26,567	24,600	30,400	19,675	0.8	-7.2	-8.4	9.3	18.52	1.67	10.51	35.96	13.04
	FTS	11,365	32,800	46,727	32,200	-0.9	-4.5	-11.2	-11.1	25.98	2.65	10.38	24.88	75.12
	BSI	10,097	41,150	56,000	37,955	0.5	-4.6	-12.8	-4.8	29.33	1.94	6.80	36.11	63.89
	EVF	9,811	12,900	16,500	8,450	-0.4	-6.9	-2.3	18.3	11.94	1.04	8.32	0.40	14.60
	DSE	8,394	24,500	33,850	20,500	-0.4	-5.8	-17.1	-0.8	27.86	1.94	7.01	11.46	88.54
	CTS	8,189	38,500	46,500	22,273	-2.7	-14.3	-3.0	49.4	18.51	3.26	16.85	1.11	47.89

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/10/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn thuộc danh sách VN100; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	36,188	48,750	64,300	42,700	-1.3	-3.5	-13.7	12.2	14.80	1.52	10.62	27.00	22.00
Bất động sản	VIC	843,810	219,000	222,900	40,150	1.9	7.4	47.0	420.8	60.23	5.67	9.91	3.80	44.22
	VHM	470,299	114,500	123,000	38,750	-0.4	-1.3	16.8	161.1	16.01	2.21	14.91	9.24	40.76
	VRE	88,166	38,800	43,550	16,300	-1.5	-5.4	33.8	113.8	20.03	1.99	10.45	14.94	34.06
	BCM	68,103	65,800	80,000	53,800	0.6	-0.2	-2.2	0.0	18.76	3.22	18.17	2.23	31.77
	KDH	37,931	33,800	37,500	22,091	0.7	-0.3	-0.4	10.5	51.30	2.13	4.68	26.88	23.12
	KBC	31,737	33,700	43,100	21,800	0.3	-6.4	-9.2	30.6	18.69	1.33	6.91	10.62	38.38
	PDR	23,172	23,650	27,200	13,935	0.2	-9.0	-5.2	19.6	132.99	1.96	1.48	10.25	39.75
	DXG	21,295	20,900	24,200	11,368	4.2	-7.5	-10.7	56.9	59.21	1.72	2.79	22.25	27.75
	SJS	19,098	64,200	79,000	23,475	-2.1	-7.5	-9.6	155.0	63.34	5.89	9.81	0.59	49.41
	NLG	18,292	37,700	43,159	23,825	0.0	-2.5	2.9	5.8	25.46	1.64	6.58	46.13	3.87
	VPI	17,923	56,000	61,900	48,000	0.4	-5.9	2.9	-1.4	48.71	3.58	8.06	10.98	38.02
	SIP	12,905	53,300	79,913	51,826	-0.2	-0.6	-7.0	-14.3	10.63	2.74	28.17	3.29	45.71
	HDG	11,746	31,750	36,200	18,773	0.5	-8.1	-2.3	31.1	58.81	1.89	3.26	20.24	29.76
	KOS	8,356	38,600	42,150	38,100	0.0	0.5	-1.8	0.3	545.69	3.60	0.66	0.15	48.85
	DXS	6,370	11,000	13,950	5,660	3.3	-10.6	-15.4	89.7	19.43	1.02	5.37	19.78	30.22
	HDC	6,260	35,100	42,300	20,850	-2.0	-14.4	-4.7	29.8	10.25	2.19	23.91	7.50	41.50
Nguyên vật liệu	HPG	202,632	26,400	30,100	19,583	-0.4	-5.7	-9.1	19.8	15.09	1.67	11.67	18.72	30.28
	GVR	106,200	26,550	35,600	23,300	1.7	-2.0	-7.2	-19.3	20.01	1.88	9.84	0.32	12.68
	DGC	35,092	92,400	118,100	80,100	1.5	-0.9	-4.7	-16.4	11.85	2.25	20.20	11.99	37.01
	DCM	18,000	34,000	42,100	27,900	-0.6	0.6	-9.3	-7.1	11.76	1.76	15.32	4.90	44.10
	DPM	15,638	23,000	28,800	17,612	-1.3	-0.6	-12.2	17.4	26.02	1.36	5.58	5.26	44.74
	HSG	10,122	16,300	21,100	13,350	-1.2	-10.7	-16.0	-20.5	21.81	0.90	4.17	6.08	42.92
	PHR	7,046	52,000	68,800	42,800	2.0	-0.6	-8.1	-6.8	13.84	1.85	13.35	13.69	35.31
	NKG	6,937	15,500	20,400	11,750	-2.5	-12.7	-16.0	-2.7	25.96	0.92	3.59	4.88	45.12
	HT1	6,640	17,400	18,500	10,100	-7.0	-1.4	-2.0	49.4	46.76	1.34	2.91	3.44	45.56

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/10/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn thuộc danh sách VN100; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	GEE	65,111	177,900	187,200	24,500	-2.3	-2.3	64.0	537.3	19.62	8.73	48.62	0.57	49.43
	GEX	46,564	51,600	65,700	16,952	-3.6	-16.1	-1.7	164.3	29.76	3.18	11.21	9.19	40.81
	REE	33,637	62,100	70,000	53,478	0.0	-1.3	-6.9	12.5	14.05	1.71	12.80	48.99	0.01
	VGC	20,848	46,500	66,600	36,500	1.2	-7.0	-22.0	14.8	15.05	2.29	15.89	4.33	44.67
	TCH	19,833	22,000	25,800	11,753	-0.2	-10.2	1.4	60.5	22.45	1.83	8.22	12.36	38.64
	CII	16,686	26,700	31,350	9,825	-2.9	-12.0	9.4	99.6	758.43	2.02	0.37	5.36	34.64
	VCG	16,517	25,550	28,600	15,787	-0.4	-7.6	-6.6	53.7	21.37	2.04	9.72	7.18	41.82
	BMP	14,244	174,000	174,000	105,500	5.5	8.1	19.8	30.8	11.89	4.52	39.36	85.08	14.92
	DIG	14,157	21,900	25,100	12,667	0.2	-11.0	-6.3	22.7	112.63	1.98	1.77	5.93	43.07
	CTR	10,398	90,900	135,200	79,600	6.9	13.6	1.7	-28.2	18.44	5.22	29.17	5.49	43.51
	CTD	9,119	89,900	97,800	64,800	0.1	7.7	9.8	36.2	19.73	1.02	5.20	48.93	0.07
	PC1	7,940	22,200	29,800	19,650	0.7	-4.5	-14.6	-4.7	20.88	1.40	6.93	12.86	37.14
	HHV	7,188	14,450	17,350	10,143	-1.4	-8.0	-6.2	30.2	13.37	0.70	5.29	10.10	38.90
	SZC	5,328	29,600	46,200	29,350	-0.7	-8.9	-14.8	-22.1	14.58	1.71	11.69	2.70	17.30
	PTB	3,427	51,200	66,500	46,300	-0.8	0.4	2.4	-12.9	8.43	1.16	14.10	13.47	11.53
Tiện ích	GAS	143,812	59,600	69,903	54,175	-0.3	1.7	-3.2	-13.5	11.97	2.13	17.62	1.70	47.30
	POW	31,381	13,400	17,050	11,000	-1.1	-5.3	-11.3	10.7	21.08	0.96	4.62	2.58	46.42
	BWE	10,557	48,000	53,000	38,000	0.4	-0.3	-4.4	8.7	16.43	1.96	12.35	7.98	41.02
	NT2	6,636	23,050	24,800	17,300	1.3	2.7	-1.1	19.7	10.52	1.47	14.63	11.86	37.14
	PPC	3,270	10,200	12,700	10,100	0.0	-0.5	-5.1	-17.7	14.52	0.73	4.94	4.52	44.48
Dầu khí	PLX	43,581	34,300	43,700	33,300	0.1	2.2	-2.0	-17.8	20.89	1.74	8.36	15.33	4.67
	PVD	11,201	20,150	26,150	17,150	0.2	0.8	-11.4	-22.2	14.03	0.67	5.05	3.46	45.54
	PVT	8,083	17,200	21,780	14,811	-1.1	-0.9	-7.5	-17.0	7.46	0.99	14.16	8.44	40.56

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/10/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn thuộc danh sách VN100; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	121,426	58,100	68,600	53,800	2.7	-1.2	-6.3	-15.1	15.87	3.82	23.14	48.94	51.06
	MSN	114,661	79,300	94,000	53,100	1.4	-9.9	-4.3	1.0	42.06	3.69	8.53	22.73	77.27
	SAB	57,908	45,150	58,500	42,650	-0.7	-0.2	-2.1	-19.2	14.48	2.71	18.07	58.35	41.65
	SBT	20,812	25,550	26,750	10,727	0.0	0.6	6.2	124.8	30.70	1.99	6.63	21.05	78.95
	HAG	19,455	15,350	17,350	10,150	-1.9	-5.2	-1.9	45.5	11.18	1.54	13.82	2.11	46.89
	KDC	15,070	52,000	59,600	49,600	-0.2	0.0	0.2	1.0	314.45	2.28	0.71	16.41	33.59
	VHC	12,188	54,300	75,400	47,000	-0.7	-0.2	-10.2	-23.6	8.43	1.30	16.31	19.13	80.87
	DBC	9,833	25,550	31,696	20,783	-0.6	-5.0	-7.3	4.9	5.83	1.30	25.14	3.10	45.90
	ANV	7,748	29,100	33,450	13,850	-4.0	-8.9	3.4	77.2	10.29	2.19	23.54	4.42	44.58
	PAN	6,424	30,750	35,300	22,100	2.8	-3.5	-8.9	30.9	9.91	1.23	13.59	21.01	27.99
Bán lẻ	MWG	126,704	85,700	85,900	50,600	0.0	1.4	8.2	31.0	21.68	4.03	19.93	46.25	2.75
	FRT	25,120	147,500	167,520	104,800	3.5	6.2	11.9	7.9	46.64	8.76	23.77	31.88	17.12
	DGW	8,758	39,600	47,850	30,900	1.5	-1.5	-7.8	-7.7	17.86	2.81	16.51	20.40	28.60
Vận tải	VJC	97,490	180,000	184,500	82,400	-2.2	2.9	34.6	72.7	52.62	4.50	9.29	7.15	22.85
	GMD	28,490	66,800	73,200	43,100	-0.7	-1.8	-5.5	6.4	20.77	2.30	11.99	42.74	6.26
	VTP	13,847	113,700	171,000	86,900	7.0	13.7	13.1	31.0	45.64	8.26	18.53	5.03	43.97
	VSC	9,359	25,000	33,850	11,720	-2.5	-7.4	-16.8	88.3	21.76	2.01	9.38	2.46	46.54
	SCS	5,257	55,400	85,000	55,300	-0.7	0.2	-7.2	-28.3	7.17	3.37	48.46	13.70	16.30
Phần mềm và dịch vụ	FPT	166,433	97,700	134,348	88,100	2.8	10.9	-1.8	-16.3	18.51	4.65	27.37	36.56	12.44
	CMG	8,205	38,750	53,514	30,700	3.1	3.9	-3.6	-15.0	21.93	2.71	12.52	38.34	11.66
May mặc và trang sức	PNJ	32,409	95,000	99,500	69,600	2.9	5.4	8.4	1.1	15.99	2.68	18.18	48.71	0.29
Dược phẩm	IMP	7,546	49,000	55,700	39,200	-1.0	-3.2	-7.7	8.9	23.18	3.56	15.27	51.45	26.51
Dịch vụ thương mại	TLG	4,677	53,300	71,800	45,900	1.5	0.9	0.6	11.3	11.84	1.87	16.05	13.19	86.81

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 24/10/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn thuộc danh sách VN100; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Quỹ mở và ETF

Hiệu suất giao dịch

STT	Loại quỹ	Mã quỹ	Mã AMC	Ngày thành lập	Giá trị NAV / đơn vị	Hiệu suất (%)					
						Kể từ khi thành lập	1 tháng	6 tháng	YTD	1 năm	3 năm
1	Cổ phiếu	MAGEF	MAGI	07/2019	21,189.40	111.89%	-1.36%	36.69%	24.13%	23.68%	72.79%
2		SSI-SCA	SSIAM	09/2014	45,093.37	350.93%	-3.87%	24.00%	10.47%	14.38%	79.96%
3		VEOF	VCFM	07/2014	35,447.64	254.48%	-4.14%	31.95%	13.87%	17.34%	64.02%
4		VESAF	VCFM	04/2017	34,022.16	240.22%	-5.85%	24.28%	7.87%	10.65%	61.69%
5		DFVN-CAF	DFVN	01/2019	17,026.67	70.27%	-7.51%	16.90%	5.78%	4.02%	34.38%
6		UVEEF	UOBAM	11/2022	17,358.59	73.59%	-1.44%	31.68%	16.93%	19.23%	-
7		BVFED	BVF	01/2014	31,282.00	212.82%	0.12%	41.37%	37.27%	35.76%	93.45%
8		BVPF	BVF	12/2016	22,624.00	126.24%	-3.03%	16.22%	5.69%	8.32%	51.40%
9		FVEF	FIDES	04/2023	15,576.00	55.76%	-0.64%	36.93%	22.56%	22.35%	-
10		KDEF	KIM	04/2025	12,601.81	26.02%	-2.81%	-	-	-	-
11		LHCDF	LIGHTHOUSE	05/2024	11,765.73	17.66%	-5.64%	18.44%	6.56%	9.92%	-
12		VCBF-BCF	VCBF	08/2014	44,245.94	342.46%	0.63%	33.06%	23.72%	25.89%	88.17%
13		VCBF-MGF	VCBF	12/2021	14,647.13	46.47%	-3.60%	20.93%	9.29%	14.48%	81.40%
14		VCBF-AIF	VCBF	02/2025	11,471.00	14.71%	-0.88%	26.37%	-	-	-
15	Trái phiếu	TCGF	TCAM	10/2024	13,039.44	30.39%	1.85%	42.55%	29.04%	30.39%	-
16		MAFF	MAGI	11/2021	13,131.41	31.31%	-0.14%	3.50%	5.19%	6.62%	24.73%
17		SSIBF	SSIAM	08/2017	16,366.65	63.67%	0.55%	2.67%	4.26%	5.52%	20.11%
18		VFF	VCFM	04/2013	25,069.99	150.70%	0.54%	3.26%	5.16%	6.89%	23.20%
19		DFVN-FIX	DFVN	02/2021	11,771.81	17.72%	0.41%	2.51%	3.46%	4.32%	13.69%
20		BVBF	BVF	04/2016	21,547.00	115.47%	0.43%	2.92%	4.36%	5.47%	20.20%
21		FBF	FIDES	01/2022	12,112.00	21.12%	0.31%	2.51%	3.71%	4.92%	16.68%
22		LHBF	LIGHTHOUSE	12/2022	14,525.69	45.26%	0.23%	3.85%	5.96%	8.14%	-
23	Cân bằng	VCBF-FIF	VCBF	08/2019	15,193.87	51.94%	0.57%	3.15%	5.05%	6.91%	25.20%
24		VIBF	VCFM	07/2019	19,590.52	95.91%	-2.02%	12.49%	9.73%	11.72%	39.48%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fund Distribution fundteam@miraeasset.com.vn, cập nhật ngày 24/10/2025.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.